

Báo cáo cập nhật KQKD Quý 2/2026 – DCM

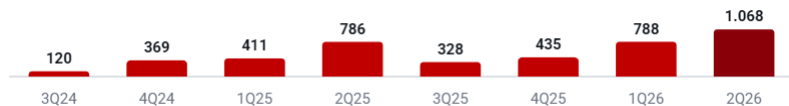
HOSE · DCM · Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)

LNST CỔ ĐÔNG MẸ · Q2 1.068 tỷ đồng · +35,9% YoY	DOANH THU THUẦN · Q2 6.712 tỷ đồng · +11,2% YoY	BIÊN LỢI NHUẬN GỘP 29,8% +9,3 điểm % YoY	ROE · TRƯỢT 4 QUÝ 24,1% ROA 13,2% · tiền ròng
--	--	--	---

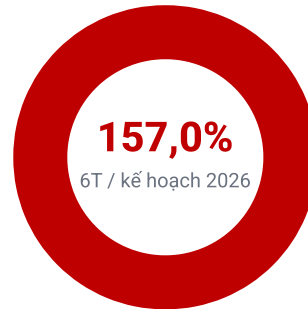
ĐÁNH GIÁ KQKD QUÝ 2/2026

Giá urê quý 2 tăng mạnh giúp DCM đạt lợi nhuận quý **cao nhất trong 10 quý gần nhất**: LNST cổ đông mẹ **1.068 tỷ đồng (+35,9% YoY)** và doanh thu **6.712 tỷ đồng (+11,2% YoY)**. Doanh thu tăng 11,2% nhưng giá vốn **giảm 1,8%**, đẩy biên gộp lên **29,8%** từ 20,6% cùng kỳ. **TCBS Research** đánh giá DCM đang ở mức định giá thấp với P/E chỉ **6,2 lần**, phản ánh một phần rủi ro mức lợi nhuận cao khó lặp lại khi giá urê hạ nhiệt và giá đầu vào biến động, do đó nhà đầu tư nên theo dõi thêm trước khi quyết định đầu tư.

LNST cổ đông mẹ theo quý · tỷ đồng



TIẾN ĐỘ LỢI NHUẬN NĂM



* Trên kế hoạch LNST 2026 là 1.182 tỷ đồng theo ĐHCĐ 22/04/2026; kế hoạch doanh thu 17.615 tỷ đã đạt 68,1%.

ĐIỂM NHẤN

1.068 TỶ · Q2/26	Lợi nhuận cao nhất trong mười quý lũy kế 6T 1.856 tỷ, +55,1% YoY · hoàn thành 157% kế hoạch năm
44,1% BIÊN GỘP URÊ	Urê gánh gần như toàn bộ lợi nhuận từ 36,1% cùng kỳ · doanh thu urê xuất khẩu 6T +112,8% YoY
128% KH XUẤT KHẨU	6T đã vượt kế hoạch xuất khẩu cả năm 351,2 nghìn tấn so kế hoạch 275,0 nghìn tấn

CẦN THEO DÕI

35,3% KH NỘI ĐỊA	Thị trường trong nước yếu rõ rệt doanh thu urê nội địa 6T -16,9% YoY, NPK nội địa -30,8%
5.664 TỶ · TỒN KHO	Tồn kho tăng 103% YoY hàng mua đang đi đường vọt lên 1.032 tỷ từ 8 tỷ đầu năm
+17,7% DT H2/26F	Dự phóng đòi hỏi nửa cuối năm tăng tốc doanh thu H2 phải đạt 8.458 tỷ trong khi dư địa xuất khẩu đã cạn

TRIỂN VỌNG 2026

Dư địa xuất khẩu urê phần lớn đã được dùng hết trong nửa đầu năm, nên nửa cuối năm phụ thuộc vào mùa vụ Đông Xuân trong nước, nơi giá bán thấp hơn xuất khẩu. Dự phóng TCBS Research vừa cập nhật cho năm 2026: **EPS 4.982 đồng (+34,6% YoY)**, LNST dự phóng **2.638 tỷ đồng (~223% kế hoạch)** trên doanh thu 20.456 tỷ (+23,0%), P/E dự phóng 6,2 lần, tỷ suất cổ tức dự phóng 11,4%. Rủi ro chính: giá urê điều chỉnh nhanh khi nguồn cung Trung Đông bình thường hóa, giá khí đầu vào tăng và cầu nội địa tiếp tục yếu.

LNST 2026F · DỰ PHÓNG TCBS 2.638 tỷ đồng · +34,6% YoY ~223% kế hoạch	EPS 2026F 4.982 đồng/cp · +34,6% YoY	BIÊN LN GỘP 2026F 25,5% thấp hơn 2,4 điểm % so 6T (27,9%)	TỶ SUẤT CỔ TỨC 2026F 11,4% ~3.500 đ/cp theo thị giá · P/E dự phóng 6,2x
---	---	---	--

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐỊNH GIÁ · tại ngày 29/07/2026

GIÁ · ĐỒNG 30.700	VỐN HÓA · TỶ Đ 16.253	P/E · LẦN 6,2	P/B · LẦN 1,4	SH NƯỚC NGOÀI 6,4%	SLCP · TRIỆU 529,4
--	--	------------------------------------	------------------------------------	---	---

1. Đánh giá của TCBS

Quan điểm về kết quả Quý 2/2026, chu kỳ giá urê và triển vọng nửa cuối năm

Quý 2/2026 của Đạm Cà Mau được TCBS đánh giá **tích cực cả về quy mô lẫn chất lượng lợi nhuận**, nhưng phần lớn thành quả đến từ chu kỳ giá bán hơn là từ mở rộng quy mô. LNST cổ đông công ty mẹ đạt **1.068 tỷ đồng (+35,9% YoY; +35,5% QoQ)**, cao nhất trong mười quý gần nhất, trên doanh thu thuần **6.712 tỷ đồng (+11,2% YoY)**. Điểm đáng chú ý nhất nằm ở giá vốn: doanh thu tăng 11,2% nhưng giá vốn hàng bán **giảm 1,8% xuống 4.711 tỷ đồng**, kéo biên lợi nhuận gộp từ **20,6% lên 29,8%**. Lũy kế 6 tháng, doanh thu urê đạt 6.819 tỷ đồng (+40,0% YoY) với biên gộp **44,1%** so với 36,1% cùng kỳ, riêng urê xuất khẩu tăng **112,8%** lên 4.549 tỷ. Hai mảng còn lại đóng góp rất mỏng: NPK biên gộp chỉ 15,7% với doanh thu giảm 13,4%, còn phân bón tự doanh dù đạt 3.145 tỷ (+54,0%) chỉ có biên gộp **5,5%**. Lũy kế 6 tháng, doanh thu **11.998 tỷ đồng (+27,0% YoY)**, LNST cổ đông mẹ **1.856 tỷ đồng (+55,1% YoY)**, tương ứng **157% kế hoạch lợi nhuận** và 68,1% kế hoạch doanh thu năm theo ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026, cho thấy giả định giá bán đầu năm quá thận trọng chứ chưa hẳn phản ánh năng lực vận hành vượt trội.

Nửa cuối năm nhiều khả năng khó bằng nửa đầu, và lý do không nằm ở giá mà ở dư địa sản lượng. Xuất khẩu urê 6 tháng đã đạt **351,2 nghìn tấn, tương đương 128% kế hoạch cả năm**, trong khi tiêu thụ urê trong nước mới đạt 35,3% kế hoạch với doanh thu giảm 16,9%. Phần còn lại của năm sẽ chủ yếu dựa vào mùa vụ Đông Xuân trong nước. Giá urê cũng đã hạ nhiệt về khoảng 732 USD/tấn cuối tháng 5 từ đỉnh 858 USD/tấn và bộ đệm tồn kho giá vốn thấp sẽ cận dần. Dự phóng TCBS Research vừa cập nhật cho năm 2026: doanh thu **20.456 tỷ đồng (+23,0%)**, LNST cổ đông mẹ **2.638 tỷ đồng (+34,6%)**, EPS 4.982 đồng, biên gộp 25,5%. Đặt cạnh mức 6 tháng đã thực hiện, dự phóng hàm ý nửa cuối năm đạt khoảng 782 tỷ lợi nhuận, gần như đi ngang so cùng kỳ, nhưng doanh thu phải tăng **17,7% YoY**: một kỳ vọng khá tích cực và phụ thuộc vào việc cầu nội địa phục hồi rõ. Với thị giá 30.700 đồng, cổ phiếu giao dịch ở **P/E 6,2 lần và P/B 1,4 lần** trong khi ROE trượt 4 quý đạt 24,1%, thấp hơn hẳn mức P/E trên 11 lần của giai đoạn lợi nhuận yếu năm 2024. Giá cổ phiếu đã giảm khoảng **35%** từ đỉnh vào tháng 3/2026 mặc dù lợi nhuận 6 tháng tăng 55,1%.

DỰ PHÓNG 2026 THEO TCBS RESEARCH

- 01 LNST cổ đông mẹ 2.638 tỷ đồng (+34,6%), EPS 4.982 đồng, doanh thu 20.456 tỷ (+23,0%)** – LNTT 2.921 tỷ, EBITDA 2.914 tỷ; P/E dự phóng 6,2 lần, P/B 1,4 lần, ROE 23,6%, EV/EBITDA 5,1 lần.
- 02 Biên LN gộp dự phóng 25,5%** – thấp hơn 2,4 điểm % so mức 27,9% của 6 tháng đầu năm, hàm ý giá urê hạ nhiệt dần và cơ cấu doanh thu dịch về nội địa cùng tự doanh, hai mảng biên mỏng hơn.
- 03 Tỷ suất cổ tức dự phóng 11,4%** (~3.500 đ/cp theo thị giá 29/07) – cao gấp 3,5 lần mức cổ tức kế hoạch 10% (1.000 đ/cp), phần chênh lệch phụ thuộc quyết định phân phối lợi nhuận thực tế của ĐHĐCĐ.

2. Kết quả kinh doanh Quý 2/2026

Bức tranh doanh thu – lợi nhuận và tiến độ so kế hoạch năm

Quý 2/2026 là quý lợi nhuận cao nhất trong mười quý gần nhất của Đạm Cà Mau: LNST cổ đông mẹ đạt 1.068 tỷ đồng, tăng 35,9% so cùng kỳ và 35,5% so quý liền trước, vượt xa mức 786 tỷ của Quý 2/2025. Doanh thu 6.712 tỷ đồng tăng 11,2% YoY và 27,0% QoQ theo đúng nhịp mùa vụ Hè Thu. Toàn bộ phần tăng lợi nhuận đến từ biên gộp mở rộng, không phải từ tăng trưởng doanh thu.

CÁC NHẬN XÉT CHÍNH

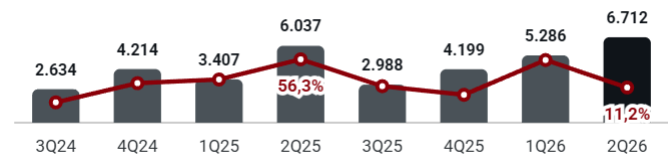
- 01 Biên gộp nhảy 9,3 điểm % lên 29,8% — doanh thu tăng 11,2% nhưng giá vốn giảm 1,8%; lợi nhuận gộp tăng 61,3% lên 2.001 tỷ đồng nhờ giá urê xuất khẩu cao và tồn kho giá vốn thấp.
- 02 Chi phí bán hàng & QLDN gần gấp đôi lên 869 tỷ — chiếm 12,9% doanh thu so với 7,4% cùng kỳ; tuy nhiên hơn 60% mức tăng đến từ các khoản gắn với lợi nhuận (quỹ khoa học công nghệ, chi phí nhân viên) nên sẽ tự co lại nếu lợi nhuận giảm.
- 03 Kế hoạch năm đã bị vượt sau 6 tháng — LNST đạt 157% kế hoạch, doanh thu 68,1%; khoảng lệch này cho thấy giả định giá bán đầu năm quá thận trọng, không nên đánh giá là năng lực vận hành đột biến.

LNST CỔ ĐÔNG MẸ 1.068 tỷ đồng · +35,9% YoY	DOANH THU THUẦN 6.712 tỷ đồng · +11,2% YoY	LỢI NHUẬN GỘP 2.001 tỷ đồng · biên gộp 29,8%
CHI PHÍ BH & QLDN 869 tỷ đồng · +95,9% YoY · 12,9% DT	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 1.187 tỷ đồng · +33,7% YoY	EPS TRƯỢT 4 QUÝ 4.945 đồng/cp · +55,2% YoY

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q2/2026	Q2/2025	%YoY	Q1/2026	%QoQ
Doanh thu thuần	6.712	6.037	+11,2	5.286	+27,0
Giá vốn hàng bán	(4.711)	(4.797)	-1,8	(3.940)	+19,6
Lợi nhuận gộp	2.001	1.241	+61,3	1.346	+48,6
Chi phí bán hàng	(418)	(214)	+94,7	(352)	+18,5
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(452)	(229)	+97,0	(178)	+153,1
Lợi nhuận trước thuế	1.187	888	+33,7	878	+35,2
LNST cổ đông mẹ	1.068	786	+35,9	788	+35,5
EPS trượt 4 quý (đồng)	4.945	3.186	+55,2	4.412	+12,1

Doanh thu thuần theo quý

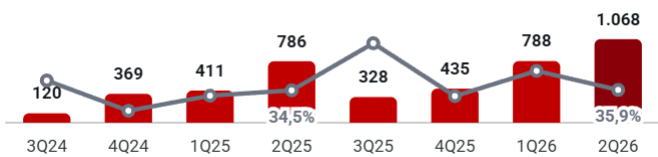
Tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất Đạm Cà Mau, TCBS Research.

LNST cổ đông mẹ theo quý

Tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất Đạm Cà Mau, TCBS Research.

3. Phân tích các chỉ số tài chính

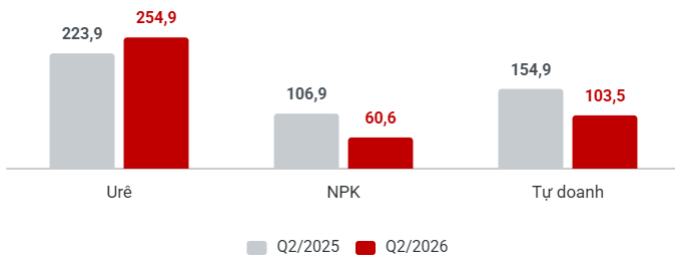
Phân tích đặc thù ngành phân bón: sản lượng – kênh bán, biên gộp – chi phí, vốn lưu động, sinh lời – cổ tức

3.1. Sản lượng, kênh bán & cơ cấu lợi nhuận theo mảng

Bức tranh sản lượng cho thấy lệch pha rất lớn giữa hai kênh bán. Lũy kế 6 tháng, DCM tiêu thụ **868,0 nghìn tấn** phân bón, đạt 57,2% kế hoạch năm; nhưng riêng **xuất khẩu urê đã đạt 351,2 nghìn tấn, tương đương 128% kế hoạch cả năm**, trong khi urê tiêu thụ trong nước chỉ đạt 35,3% kế hoạch. Riêng Quý 2, tiêu thụ urê đạt **254,9 nghìn tấn (+13,8% YoY)**, nhưng NPK chỉ **60,6 nghìn tấn (-43,3% YoY)** và phân bón tự doanh **103,5 nghìn tấn (-33,2% YoY)**.

■ Sản lượng tiêu thụ Quý 2

Nghìn tấn · Q2/2025 so Q2/2026



Nguồn: DCM, TCBS Research.

- **Urê là mảng duy nhất tăng lợi nhuận** – biên gộp 6T đạt 44,1% (từ 36,1% cùng kỳ), góp 82% lợi nhuận gộp dù chỉ chiếm 55% doanh thu. NPK biên 15,7%, phân bón tự doanh chỉ 5,5%.
- **Đánh giá:** kế hoạch xuất khẩu urê đã vượt trong khi sản lượng NPK và tự doanh Quý 2 đều giảm mạnh, nên tăng trưởng nửa cuối năm phải dựa vào nội địa, kênh có biên gộp thấp hơn. Dự phóng biên gộp cả năm 25,5% đã phản ánh điều đó, nhưng vẫn đòi hỏi cầu nội địa phục hồi rõ trong mùa Đông Xuân.

3.2. Biên lợi nhuận gộp, chi phí đầu vào & chi phí bán hàng

Biên gộp 29,8%, tăng 9,3 điểm % so cùng kỳ và 4,3 điểm % so quý trước, là mức cao thứ hai trong mười quý, chỉ sau 30,2% của Quý 4/2025. Giá vốn giảm 1,8% dù doanh thu tăng 11,2%, dấu hiệu của bộ đệm tồn kho giá thấp, không phải cải thiện hiệu suất sản xuất, và do đó mang tính một lần.

- **Chi phí bán hàng 6T tăng 39,0% lên 770 tỷ đồng** – khoản lớn nhất là chi phí vận chuyển, bốc xếp, lưu kho **312 tỷ, tăng 101 tỷ**, đúng hướng với sản lượng xuất khẩu; chi phí quảng cáo, truyền thông 207 tỷ chỉ tăng 14,6%.
- **Chi phí quản lý 6T tăng 57,0% lên 630 tỷ, phần lớn không phải chi phí vận hành** – riêng khoản **trích quỹ phát triển khoa học công nghệ đạt 250 tỷ, tăng 154 tỷ** so cùng kỳ và tương đương 12,1% lợi nhuận trước thuế (mức trần cho phép là 20%), tức là khoản trích theo lợi nhuận. Chi phí nhân viên hai bộ phận cũng tăng 120 tỷ. Cộng lại, hai nhóm này giải thích **62% mức tăng 445 tỷ** của chi phí bán hàng và quản lý, và sẽ tự thu hẹp khi lợi nhuận giảm.
- **Đánh giá:** mỗi 1 điểm % biên gộp trên nền doanh thu quý hiện tại tương đương khoảng **67 tỷ đồng** lợi nhuận gộp, nên lợi nhuận rất nhạy với chu kỳ giá urê. Bù lại, phần lớn mức tăng chi phí bán hàng và quản lý là các khoản gần với lợi nhuận nên sẽ tự co lại khi giá hạ nhiệt, giúp biên ròng bớt biến động hơn biên gộp. Đó là lý do P/E 6,2 lần không nên đánh giá đơn thuần là rẻ.

■ Biên lợi nhuận gộp theo quý

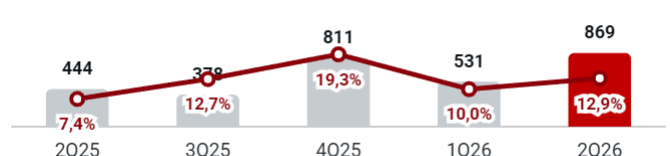
% · biến động theo chênh lệch giá urê và giá khí



Nguồn: BCTC hợp nhất Đạm Cà Mau, TCBS Research.

■ Chi phí bán hàng & QLDN

Tỷ đồng · đường = % doanh thu (trục phải)



Nguồn: BCTC hợp nhất Đạm Cà Mau, TCBS Research.

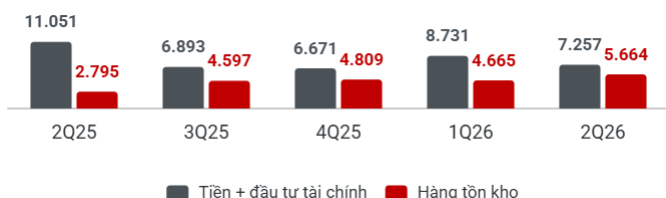
3.3. Bảng cân đối – vốn lưu động, tiền gửi phong tỏa & nợ vay

Bảng cân đối vững hơn nhiều so với đánh giá trên bề mặt. Ngoài tiền và đầu tư nắm giữ đến đáo hạn **7.257 tỷ đồng**, thuyết minh còn cho thấy **3.310 tỷ đồng tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa do đi vay** nằm trong mục tài sản ngắn hạn khác. Cộng cả ba khoản, DCM có 10.567 tỷ tiền và tương đương so với nợ vay 3.590 tỷ, tức **tiền ròng khoảng 6.977 tỷ đồng** trên tổng tài sản 21.837 tỷ.

- **Nợ vay đi song song với tiền gửi phong tỏa** – vay ngắn hạn 3.566 tỷ (+109% YoY) gần khớp 3.310 tỷ tiền gửi bị phong tỏa, tăng từ 1.021 tỷ đầu năm. Đây là tài trợ thương mại có bảo đảm bằng tiền gửi cho nhập khẩu và tự doanh, không phải đòn bẩy bù thiếu vốn; tác động là lãi tiền gửi 6T giảm còn 147 tỷ từ 162 tỷ trong khi lãi vay tăng lên 60 tỷ, khiến lãi tài chính thuần giảm 56 tỷ.
- **Đánh giá:** tồn kho 5.664 tỷ (+102,6% YoY) tập trung ở hàng mua đang đi đường 1.032 tỷ (đầu năm 8 tỷ) và thành phẩm 2.213 tỷ; dự phòng giảm giá chỉ tăng 12,9 tỷ nên chưa có dấu hiệu hàng chậm luân chuyển. Vốn chủ giảm nhẹ 37 tỷ QoQ do cổ tức 2025 khoảng 1.059 tỷ đã ghi nhận phải trả. Rủi ro bảng cân đối thấp; điểm cần theo dõi là hiệu quả của lượng tiền lớn đang sinh lời thấp.

■ Tiền cộng đầu tư tài chính và hàng tồn kho

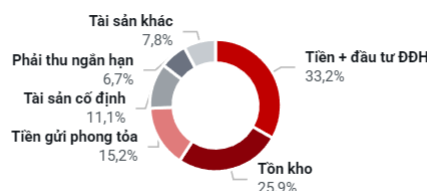
Tỷ đồng · cuối quý



Nguồn: BCTC hợp nhất Đạm Cà Mau, TCBS Research.

■ Cơ cấu tổng tài sản – Q2/2026

Tỷ đồng · tổng 21.837 tỷ



Nguồn: BCTC hợp nhất Đạm Cà Mau, TCBS Research.

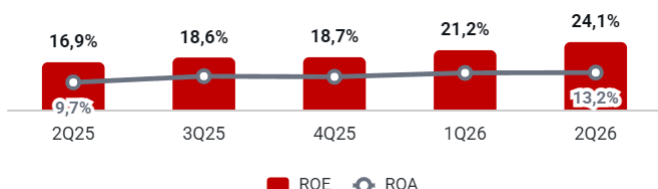
3.4. Khả năng sinh lời & cổ tức

ROE trượt 4 quý đạt **24,1%**, ROA **13,2%**, cả hai là mức cao nhất trong mười quý và cải thiện liên tục từ nền 16,9% của Quý 2/2025, với đòn bẩy thấp khi tài sản trên vốn chủ chỉ 1,9 lần.

- **Cổ tức tiền mặt duy trì đều 2.000 đồng/cp cho ba năm 2023–2025**, tỷ suất 6,5% thị giá, đợt cho năm 2025 chi trả ngày 21/07/2026. Kế hoạch cổ tức 2026 chỉ 10% (1.000 đồng/cp) trong khi dự phóng TCBS Research là tỷ suất 11,4%, tương đương khoảng 3.500 đồng/cp.
- **Đánh giá:** EPS trượt 4 quý là 4.945 đồng và BVPS 21.661 đồng, cho P/E 6,2 lần và P/B 1,4 lần. Dừng EPS dự phóng 4.982 đồng thì P/E dự phóng 6,2 lần vẫn thấp so với ROE dự phóng 23,6%; phần bù rủi ro nằm ở tính chu kỳ giá urê chứ không ở bảng cân đối.

■ ROE & ROA

% · trượt 4 quý · cột: ROE, đường: ROA (trục phải)



Nguồn: BCTC hợp nhất Đạm Cà Mau, TCBS Research.

■ Cổ tức tiền mặt theo năm cổ tức

Đồng/cổ phiếu · 2026F theo dự phóng TCBS Research



Nguồn: Công bố thông tin Đạm Cà Mau, TCBS Research.

Phụ lục – Số liệu BCTC Quý 2/2026

Trích lược bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất · 2026F: TCBS Research

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026
Tiền & tương đương tiền	3.829	1.941	2.570	4.073	3.120
Đầu tư nắm giữ đến đáo hạn	7.222	4.952	4.101	4.658	4.137
Phải thu ngắn hạn	711	1.379	1.240	1.503	1.462
Hàng tồn kho	2.795	4.597	4.809	4.665	5.664
Tài sản ngắn hạn khác	504	654	1.728	775	4.281
– trong đó tiền gửi bị phong tỏa do đi vay	n/a	n/a	1.021	n/a	3.310
Tài sản cố định	1.986	2.047	2.175	2.094	2.433
Tài sản dài hạn khác	772	935	1.022	1.084	740
TỔNG TÀI SẢN	17.819	16.506	17.644	18.852	21.837
Nợ phải trả	7.568	5.951	6.849	7.316	10.338
– trong đó vay ngắn hạn	1.706	1.921	2.226	2.541	3.566
– trong đó vay dài hạn	86	72	57	41	24
Tổng vốn chủ sở hữu	10.252	10.554	10.794	11.535	11.498

Báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026	2026F
Doanh thu thuần	6.037	2.988	4.199	5.286	6.712	20.456
Giá vốn hàng bán	(4.797)	(2.331)	(2.932)	(3.940)	(4.711)	(15.240)
Lợi nhuận gộp	1.241	657	1.266	1.346	2.001	5.216
Biên lợi nhuận gộp (%)	20,6	22,0	30,2	25,5	29,8	25,5
Chi phí bán hàng & QLDN	(444)	(378)	(811)	(531)	(869)	(2.659)
Lợi nhuận trước thuế	888	379	487	878	1.187	2.921
LNST cổ đông mẹ	786	328	435	788	1.068	2.638
EPS trượt 4 quý (đồng)	3.186	3.577	3.701	4.412	4.945	4.982

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 2/2026 Đạm Cà Mau, kế hoạch sản lượng của Tổng Công ty, TCBS Research.

© Techcom Securities | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội |
Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.